

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C- TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang.

2. Ông Trần Văn Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trần Tấn Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 503/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 17 tháng 9 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm N trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành V có tổ chức lễ cưới và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48, quyển số 1, ngày 22/4/2008. Sau khi cưới nhau thì cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc do ông V thường xuyên tụ tập ăn chơi với bạn bè, không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc đến vợ con. Thậm chí, ông V còn phát sinh quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài. Bà đã hết lòng khuyên ngăn và cho ông V nhiều cơ hội, thời gian để sửa đổi, vun đắp cho gia đình nhưng ông V không thay đổi. Vào ngày 29/4/2022, bà về nhà mẹ ruột ở T sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông V cũng bỏ mặc vợ con, không

thăm hỏi, quan tâm, năn nỉ để vợ chồng đoàn tụ. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành V.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Trần Thành L, sinh ngày 16/11/2007 và Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 14/02/2015. Hiện tại, cả hai con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V. Ông V không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà N và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Cẩm N và ông Nguyễn Thành V có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 1, ngày 22/4/2008 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Ông Nguyễn Thành V là bị đơn, hiện nay có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C nên khi bà N có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Thành V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V, theo bà N nguyên nhân mâu thuẫn do ông V không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc đến vợ con mà thường xuyên tụ tập ăn chơi bạn bè và còn phát sinh quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài, bà N có can ngăn khuyên nhủ nhưng ông V không thay đổi vì thế hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 29/4/2022 đến nay. Về phía ông V thì Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông V, nhưng ông V không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa bà N và ông V không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Cẩm N là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông V có hai con chung tên Nguyễn Trần Thành L, sinh ngày 16/11/2007 và Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 14/02/2015,

hiện nay đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai con đang sống với bà N cuộc sống ổn định, đồng thời, hai con đều có nguyện vọng muốn được sống với mẹ, ông V không có ý kiến phản đối do đó để bảo đảm điều kiện phát triển ổn định của con chung nên giao cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà N không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Cẩm N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm N đối với bị đơn ông Nguyễn Thành V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm N được ly hôn với ông Nguyễn Thành V.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Trần Thị Cẩm N được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Trần Thành L, sinh ngày 16/11/2007 và Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 14/02/2015. Tạm thời ghi nhận ông Nguyễn Thành V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Cẩm N phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0006092 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, bà N đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Cẩm N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Thành V vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quyền

